

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28/5/2025

Về việc: “Ly hôn; tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn, ông Nguyễn Sỹ Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Niê Doan Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc “ly hôn; tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố I, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nơi ở hiện tại: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Đình S, sinh năm 1974; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố I, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Về hôn nhân: Bà và ông Phan Đình S1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh năm 2004, hôn nhân tự nguyện không bị ai ép buộc.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông S1 có 02 con chung tên Phan Đình S2, sinh ngày 06/08/2005 và Phan Đình H, sinh ngày 27/3/2013.

Về mâu thuẫn: Bà và ông S1 phát sinh mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không có tiếng nói chung, hay xảy ra cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông S1 thường xuyên rượu, chè, say xỉn không quan tâm, lo lắng đến gia đình.

Do đó bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông Phan Đình S1.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu Phan Đình H, sinh ngày 27/3/2013 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông S1 phải cấp dưỡng nuôi con; đối với con chung Phan Đình S2 đã trưởng thành, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phan Đình S1, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Phan Đình S1, tuy nhiên ông S1 không có mặt tại Tòa án để làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa tuân thủ quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phan Đình S1.

- Về con chung: Giao con chung cháu Phan Đình H, sinh ngày 27/3/2013 cho bà Nguyễn Thị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con, bị đơn ông Phan Đình S1 có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố I, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, do đó việc Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Đối với ông Phan Đình S1 sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã hai lần được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, nhưng ông S1 vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn, do đó Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil

tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt ông Phan Đình S1 theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T và ông Phan Đình S1 có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Trong thời gian chung sống bà Nguyễn Thị T và ông Phan Đình S1 có 02 con chung tên Phan Đình S2, sinh ngày 06/8/2005 và Phan Đình H, sinh ngày 27/3/2013.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

- Về hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T khẳng định không còn tình cảm gì với ông Phan Đình S1, không muốn về đoàn tụ gia đình với ông S1, điều này thể hiện hôn nhân giữa bà T và ông S1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho bà Nguyễn Thị T và ông Phan Đình S1 ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Phan Đình H, sinh ngày 27/3/2013, hiện cháu H đang ở cùng bà T tại thôn M, xã Đ, huyện Đ, ngoài ra quá trình giải quyết vụ án cháu H cũng có nguyện vọng được ở với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung Phan Đình H, sinh ngày 27/3/2013 cho bà Nguyễn Thị T được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phan Đình S1.

2. Về con chung: Giao con chung Phan Đình H, sinh ngày 27/3/2013 cho bà Nguyễn Thị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Phan Đình S1 được quyền đi lại, thăm nom, chăm

sóc con chung, bà Nguyễn Thị T không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006243, ngày 10 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện ĐăkMil;
- Chi cục THA dân sự huyện ĐăkMil;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng

